|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN TAM NÔNG**  Số: /BC-UBND  **“Dự thảo”** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Tam Nông, ngày tháng 11 năm 2024* |

**BÁO CÁO SINH HOẠT CHUYÊN ĐỀ**

**Giải pháp dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao**

**động nông thôn nhất là đối với lao động có thu nhập thấp,**

**lao động nhàn rỗi trên địa bàn huyện**

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-UBND-HC ngày 04/01/2024 của Ủy ban  
nhân dân huyện về việc ban hành Chương trình làm việc của Ủy ban nhân dân  
huyện năm 2024. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo sinh hoạt chuyên về về “Giải pháp dạy nghề, giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn nhất là đối với lao động có thu nhập thấp, lao động nhàn rỗi trên địa bàn Huyện với các nội dung chính như sau:

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Cùng với quá trình thực hiện các tiêu chí xây dựng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao. Trong những năm qua huyện Tam Nông có nhiều giải pháp đào tạo nghề, tạo việc làm cho người lao động, đã được các cấp, các ngành quan tâm nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, là tiền đề quan trọng góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà. Tuy nhiên, vấn đề đào tạo nghề giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn vẫn còn nhiều bất cập như: lao động sau đào tạo nghề còn thiếu việc làm, hoặc đã có việc làm nhưng thu nhập thấp (lao động bỏ nghề giữa chừng), từ đó ngành nghề đào tạo chưa được duy trì thường xuyên. Đây là điều cần quan tâm lớn nhất đối với vấn đề đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn.

Do vậy, để làm rõ thực trạng và những vấn đề còn tồn tại của lao động trên địa bàn huyện trong giai đoạn hiện nay là vấn đề cần thiết. Với tinh thần trên, báo cáo sinh hoạt chuyên đề hôm nay chia sẻ những nội dung trọng tâm, cơ bản để chúng ta có cách nhìn khái quát về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn trên địa bàn huyện trong thời gian qua.

**II. THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

Huyện Tam Nông có diện tích tự nhiên 474 km2, dân số 28.478 hộ với 100.463 người, trong đó người trong độ tuổi lao động là 65.107 người, mật độ dân số trung bình 211,14 người/km2. Theo điều tra sơ bộ năm 2024 toàn Huyện có 280 hộ nghèo, chiếm 0,98%; Hộ cận nghèo có 528 hộ, chiếm 1,85%. Tình hình kinh tế - xã hội của Huyện qua nhiều năm thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nên tỷ lệ lao động làm việc trên lĩnh vực nông nghiệp chiếm 43,28%, công nghiệp - xây dựng chiếm 27,41% và thương mại - dịch vụ chiếm 29,31%; tình hình kinh tế của huyện luôn được tăng trưởng theo từng năm, đời sống người dân từng bước được nâng lên rõ nét.

Phần lớn lao động trong độ tuổi lao động, di cư tìm việc làm việc tại các tỉnh, thành phố lớn, kể cả hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài. Số lao động còn lại chủ yếu là lao động lớn tuổi (quá tuổi lao động công ty cần tuyển dụng), từ đó lao động thiếu việc làm ổn định, cá biệt vẫn còn một số lao động trong độ tuổi do bệnh tật, lười lao động.

Hàng năm huyện triển khai cho các ban ngành, tổ chức chính trị xã hội, Doanh nghiệp và Ủy ban nhân các xã, thị trấn rà soát nhu cầu học nghề *(Nông nghiệp và phi nông nghiệp)* của người lao động, đăng ký tổng hợp trình UBND huyện đề xuất tỉnh phê duyệt kinh kinh phí thực hiện vượt kế hoạch đề ra. Hiện nay tổng số lao động trong độ tuổi lao động huyện Tam Nông có khoảng 65.107 lao động, số lượng lao động qua đào tạo là 50.947 người, qua đào nghề 37.341 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 78,25 %, tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 57,35 số người có việc làm sau đào tạo nghề là 28.472 lao động đạt tỷ lệ 76,25 %, số còn lại tự tạo việc làm hoặc làm việc tại gia đình như: Áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, sản xuất, chăn nuôi và trồng trọt…

Kết quả lao động duy trì nghề sau đào tạo: Theo thống kê trên địa bàn huyện 36 cơ sở sở, tổ nghề hoạt động có hiệu quả với trên 1.050 lao động đang làm việc có thu nhập ổn định, cải thiện cuộc sống gia đình. Bình quân hàng năm huyện tư vấn giới thiệu việc làm cho trên 2.500 lao động, trong đó có khoảng 150 đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Như vậy nếu nhìn vào kết quả thống kê sẽ cho thấy lao động thất nghiệp của huyện là rất thấp, chiếm tỷ lệ không đáng kể. Mặc dù công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được các cấp các ngành thường xuyên quan tâm thực hiện, giúp cho lao động có thêm tay nghề, việc làm, thu nhập ổn định, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, với các nguyên nhân như sau :

- Công tác đào tạo nghề chưa tương xứng với yêu cầu. Đội ngũ nhà giáo đào tạo nghề cho lao động nông thôn phát triển chậm, biến động nhiều, một số nhà giáo tham gia giảng dạy theo mùa vụ hoặc khi nhàn rỗi, chưa có cam kết hợp tác lâu dài với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tại huyện có 02 đơn vị thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề phi nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp đào tạo nghề nông nghiệp. Trang thiết bị đào tạo nghề phi nông nghiệp còn thô sơ, lỗi thời, chưa tương xứng với thiết bị máy móc hiện đại mà các các công ty, doanh nghiệp đang vận hành, từ đó lao động sau đào tạo ít được công ty, doanh nghiệp tuyển dụng *(nếu lao động được công ty tuyển dụng, thì cũng phải được đào tạo lại mới đảm nhận công việc làm vận hành máy móc tại công ty)*

- Các ngành nghề thu hút nhiều lao động của huyện phát triển chưa đa dạng, chưa phong phú, chỉ tập trung một số lĩnh vực như: May mặc, Chế biến thủy sản, Chế biến thức ăn thủy sản,…; thu nhập của người lao động không cao, nhiều lao động của huyện đi làm việc ở các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Thành phố Hồ Chí Minh...

- Chất lượng nguồn lao động được nâng lên hằng năm, nhưng vẫn còn thấp cả về chuyên môn, tay nghề, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật lao động… do vậy chưa đáp ứng những yêu cầu cơ bản của nhà tuyển dụng, nhất là ở những doanh nghiệp có thu nhập cao, việc làm ổn định và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Sản xuất kinh doanh luôn phụ thuộc vào sự biến động về giá cả của thị trường. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ tuy có tăng về số lượng nhưng do tình hình khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, suy giảm và lạm phát kinh tế trong nước nên chưa chủ động được việc làm, phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố thời vụ, đơn đặt hàng.

- Một số lao động có hoàn cảnh khó khăn, có thu nhập thấp không ổn định tuy đã được đào tạo, tuyên truyền tư vấn, giới thiệu việc làm của các cấp, các ngành nhưng do lười lao động, không muốn tham gia làm việc, có tâm lý ỷ lại trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước và mạnh thường quân.

- Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tương đối cao, nhưng chưa đồng đều giữa các xã, thị trấn; lao động còn tâm lý e ngại khi tham gia lao động ở nước ngoài, với các lý do như: chi phí học định hướng ban đầu ăn uống, sinh hoạt, đi lại tương đối cao, thời gian học tập kéo dài trên 6 tháng, thậm chí một năm mới xuất cảnh được, từ đó lao động nghèo, có hoàn cảnh khó khăn ít có cơ hội tham gia đi làm việc ở nước ngoài.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Ủy ban nhân dân Tỉnh; sự hỗ trợ giúp đỡ về chuyên môn của các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm với các cơ quan, đơn vị trong công tác triển khai, tư vấn đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, sự phấn đấu tích cực tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và sự đồng tình hưởng ứng của người dân.

- Các lớp dạy nghề được tổ chức rộng rãi đến tận các xã, cụm tuyến dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội tham gia học nghề theo đúng với nhu cầu thực tế ở địa phương. Nhận thức của người dân về đào tạo nghề nghiệp có sự chuyển biến theo hướng tích cực hơn, người dân tham gia học để có kiến thức, kỹ năng, trình độ nghề nghiệp nhằm tạo việc làm ổn định. Chất lượng đào tạo nghề ngày càng được nâng lên, các ngành, nghề đào tạo cơ bản phù hợp với nhu cầu của người lao động; phần lớn lao động sau khi được đào tạo nghề đã phát huy tay nghề, tìm kiếm việc làm được dễ dàng hơn, từ đó cải thiện cuộc sống, góp phần giảm nghèo,thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

**2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:**

- Công tác dự báo thị trường lao động, ngành nghề đào tạo đôi lúc chưa sát với nhu cầu thị trường lao động. Một số nghề đào tạo tuy có hiệu quả lúc đầu nhưng chưa phát huy và duy trì việc làm ổn định, lâu dài.

- Chất lượng đào tạo nghề mặc dù đã có nhiều chuyển biến, nhưng vẫn còn hạn chế, kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề trong những năm gần đây chưa được đầu tư kịp thời.

- Việc đào tạo nghề được thực hiện theo nhu cầu của người lao động, do địa phương khảo sát và đăng ký, tuy nhiên trong quá trình thực hiện một số nghề có trong danh mục đào tạo nhưng không có giáo viên giảng dạy, làm ảnh hưởng đến tiến độ và nhu cầu của người học, cụ thể như nghề tạo sản phẩm từ tre nứa, sửa kiểng bonsai... *(đa số là nghệ nhân nhưng không có chứng chỉ sư phạm)* nên không thể tiến hành mở lớp được.

- Người lao động ít quan tâm đến việc đào tạo làm thợ, từ đó dẫn đến việc mất cân đối, chênh lệch lớn giữa thầy và thợ, bên cạnh đó, đa số phụ huynh có tâm lý là muốn con vào đại học hoặc đi học ở xa tốt hơn học tại địa phương.

- Một số lao lao động thiếu ý chí phấn đấu, cho rằng học nghề vất vã, tiền công ít (lười lao động) dừng học giữa chừng, hoặc học xong không duy trì, phát huy tay nghề.

**IV. GIẢI PHÁP**

Hiện nay, qua theo dõi thông tin ở các thành phố lớn nhiều công ty do tình hình sản xuất kinh doanh găp khó khăn đã cắt giảm lao động. Dự báo trong thời gian tới không chỉ các doanh nghiệp ở ngoài tỉnh mà các doanh nghiệp trong tỉnh, trong huyện cũng sẽ gặp nhiều khó khăn.

***Từ thực trạng và nguyên nhân nêu trên để thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn nhất là đối với lao động có thu nhập thấp, lao động nhàn rỗi trên địa bàn huyện, cần tập trung thực hiện các giải pháp sau:***

**1.** Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát huy những cách làm mới, đẩy mạnh liên kết giữa sản xuất và thị trường tiêu thụ, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh hàng hóa và dịch vụ trên thị trường; từ đó chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp; nắm thông tin thị trường tiêu thụ sản phẩm, kịp thời tư vấn cho người lao động biết có nhu cầu đăng ký học nghề; Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp, tổ hợp tác ngành nghề trong và ngoài huyện gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo nghề với cung ứng lao động sau học nghề làm việc tại công ty, doanh nghiệp, từ đó giúp cho người lao động có việc làm ổn định, lâu dài.

**2.** Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho cơ sở đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu sử dụng, điều hành máy móc, công nghệ sản xuất hiện đại của doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ giữa trung tâm đào tạo nghề với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Đồng thời, chú trọng xây dựng, phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề. Về hình thức đào tạo nghề cũng cần đổi mới linh hoạt. Đào tạo nghề phải thực hiện theo hướng kết hợp đào lý thuyết ít, thực hành nhiều (thực hành tại lớp học và thực hành tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất).

**3.** Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tổ chức đối thoại trực tiếp trên sóng phát thanh về dạy nghề - việc làm và công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nhất là lao động thời vụ Hàn Quốc, để tuyên truyền, nhất là những mô hình giải quyết việc làm có hiệu quả.

**4.** Khai thác có hiệu quả mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có trên địa bàn; tập trung nâng cao chất lượng dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Chú trọng dạy nghề theo địa chỉ nhằm chuyển đổi việc làm cho người lao động, nhất là lao động nông thôn.

**5.** Thực hiện đồng bộ các giải pháp về tạo việc làm cho người lao động thông qua hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động, khuyến khích và đẩy mạnh đào tạo nghề phi nông nghiệp, bảo đảm cho người lao động có việc làm ổn định sau đào tạo, nhất là các ngành nghề phi nông nghiệp, tạo sản phẩm từ sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ vốn vay tạo việc làm theo các dự án nhỏ, khuyến khích hỗ trợ cho vay vốn các dự án phi nông nghiệp nhằm chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động nông thôn, góp phần giảm dần tỷ trọng lao động trong nông nghiệp.

**6.** Tăng cường thực hiện chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có uy tín, có đơn hàng tốt về tuyển chọn lao động tại huyện.

**7.** Đề xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, các mô hình Hội quán, hộ kinh doanh và người lao động được vay vốn ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm, nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội và các chính sách tín dụng khác để đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo việc làm ổn định và thu hút thêm lao động vào làm việc.

**8.** Xây dựng và thực hiện các mô hình dạy nghề, tạo việc làm có hiệu quả từ nguồn vốn vay; lồng ghép các chương trình tổ, nhóm giúp nhau làm kinh tế của Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh và người khuyết tật….vv.

**9.** Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động lao động chí thú làm ăn, không tham gia các tệ nạn xã hội.

***Trong các giải pháp trên huyện sẽ tập trung vào công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong năm 2025.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Sở Lao động - TBXH;  - CT, các PCT UBND huyện;  - UB MTTQVN huyện;  - Các tổ chức CT-XH huyện;  - Các ban, ngành huyện;  - UBND các xã, thị trấn;  - Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;  - Lưu: VT, NCVXTác-Trung | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Phùng Công Thanh** |